TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 22-7-2022
V/v: *"ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Như

Các Thẩm phán: Bà Nông Biên Hòa

Ông Ngôn Ngọc Viên

- Thư ký phiên toà: Ông Nông Hữu Duy - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Triệu Thị Đào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLPT-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc "Ly hôn, nuôi con chung".

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 50/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Hoàng Thị A** – sinh năm 1993; có mặt.

- Bị đơn: **Lương Văn B -** sinh năm 1989; có mặt.

Cùng địa chỉ: Z, xã S, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: *Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện Q* - Người đại diện theo pháp luật: ông Đinh Phan T, chức vụ Giám đốc. Vắng mặt có lý do.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Lương Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Hoàng Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với anh Lương Văn B trên cơ sở mai mối, có tự nguyện, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S ngày 08 tháng 12 năm 2010. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 02/2015 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh B không nhất trí cho tôi đi làm công ty, anh B có hành vi bạo lực gia đình với tôi. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải. Từ tháng 10/2021 tôi đi làm công ty nên không chung sống một nhà với anh B. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không quan tâm, hỏi thăm, chăm sóc, thực hiện nghĩa vụ vợ chồng. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Lương Đức Q - sinh ngày 08/12/2010 và Lương Quang V – sinh ngày 01/01/2015, hiện nay đang ở với anh B. Khi ly hôn, tôi là người trực tiếp nuôi cháu V, còn anh B nuôi cháu Q, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lương Văn B trình bày:

Về điều kiện và thời gian kết hôn đúng như chị A trình bày. Nhưng vợ chồng không có mâu thuẫn. Từ khi đi công ty làm việc chị A rất ít khi về nhà. Trong thời gian chị A đi làm ở công ty để lại 02 con cho tôi tự nuôi, nay lại đòi ly hôn, tôi không nhất trí, vì trong thời gian đi công ty chị A có nhắn tin zalo thân mật với người đàn ông tên Hoàng C, tin nhắn được lưu trong điện thoại cho nên tôi biết, vì vậy tôi đã in ra để giao nộp cho Tòa án xem xét.

Về con chung: Có 02 con chung. Nếu chị A cương quyết ly hôn thì chị A tự nuôi 02 con, tôi không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Có 15 triệu đồng gửi tại Bưu điện Q (nay là Q) tôi yêu cầu chị A rút ra đưa cho tôi trả nợ tiền chữa bệnh cho con.

Về nợ chung: Có nợ 100 triệu đồng tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Q để mua trâu phát triển kinh tế gia đình và vay người quen trong làng 65 triệu đồng vào khoảng tháng 7- 8/2021 (âm lịch) để chữa bệnh cho con. Khi ly hôn, tôi sẽ nhận trách nhiệm tự mình trả các khoản nợ nói trên.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Mặc dù khoản nợ đối với hộ gia đình anh Lương Văn B chưa đáo hạn theo hợp đồng, tuy nhiên anh chị ly hôn thì phải xác định rõ trách nhiệm ai là người trả nợ. Nay đã nghe ý kiến của anh B, chị A, đại diện Ngân hàng nhất trí anh B là người có trách nhiệm trả nợ khi vợ chồng ly hôn, đề nghị Tòa án ghi nhận trong quyết định hoặc bản án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nhưng lại giành quyền nuôi hai con. Còn bị đơn có ý kiến như sau: Về quan hệ hôn nhân: Nhất trí ly hôn. Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con, yêu cầu chị A cấp dưỡng 06 triệu đồng/con/tháng. Về tài sản chung: Yêu cầu chị A rút 15 triệu đồng tiền tiết kiệm gửi tại Bưu điện Q (nay là Q) để đưa cho anh B trả nợ tiền chữa bệnh cho con. Về nợ chung: Anh B tự trả nợ 100 triệu đồng đã vay tại Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện Q khi hợp đồng đáo hạn và các khoản nợ người quen khác khi vay chữa bệnh cho con.

Đại diện Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện Q vắng mặt tại phiên tòa do có đơn xin xét xử vắng mặt đã có ý kiến nhất trí với phương án anh B tự trả nợ 100 triệu đồng cho Ngân hàng theo hợp đồng đã vay khi đáo hạn.

Tại bản án số 04/2022/HNGĐ-ST ngày 27/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng đã Căn cứ các Điều 51, 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Toà án, nay xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị A. Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Hoàng Thị A và anh Lương Văn B.

[2] Về con chung: Giao 02 con chung tên là Lương Đức Q - sinh ngày 08/12/2010 và Lương Quang V – sinh ngày 01/01/2015 cho anh Lương Văn B là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hoàng Thị A có trách nhiệm cấp dưỡng là 01 triệu đồng/con/tháng (*tổng cộng 02 triệu đồng đối với 02 con/tháng*) cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi xét thấy cần thiết, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc anh Lương Văn B có trách nhiệm tự trả nợ 100 triệu đồng cho Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện Q khi hợp đồng đáo hạn và các khoản nợ người quen khác khi vay chữa bệnh cho con.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí quyền kháng cáo của các Đương sự.

Sau khi xét sử sơ thẩm ngày 10/5/2022 bị đơn Lương Văn B có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án số 04/2022/HNGĐ-ST ngày 27/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn Lương Văn B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Yêu cầu cấp phúc thẩm xử bác đơn ly hôn của chị Hoàng Thị A, yêu cầu tăng mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ/ 1 con. Cả hai con chị A sẽ phải đóng mức cấp dưỡng nuôi con là 10.000.00đ/1 tháng thì mới nhất trí ly hôn.

Nguyên đơn Hoàng Thị A không nhất trí với yêu cầu kháng cáo và trình bày: Yêu cầu cấp phúc thẩm xử cho được ly hôn, về mức trợ cấp nuôi con nhất trí tự nguyện đóng tăng cao hơn so với cấp sơ thẩm xét xử với mức là 1.150.000đ/1 con. Cả hai con mức cấp dưỡng sẽ là 2.300.000đ/1 tháng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 21/7/2002.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án: Kháng cáo của anh Lương Văn B không có căn cứ chấp nhận, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc tự nguyện tăng mức cấp dưỡng của chị A lên 1.150.000đ/ 1 con /1 tháng. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Q tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập và giao nộp chứng cứ, hòa giải, trình tự và thủ tục phiên tòa sơ thẩm...Đơn kháng cáo của bị đơn, nộp trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo và căn cứ kháng cáo của bị đơn Lương Văn B: Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn anh Lương Văn B kháng cáo không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị A. Mặt khác bị đơn cho rằng trong trường hợp Tòa án xử cho ly hôn thì yêu cầu tăng mức cấp dưỡng lên 5.000.000đ/01 con, tổng cộng 2 con là 10.000.000đ/ 1 tháng.

Qua quá trình nghiên cứu hồ sơ, xem xét các lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

Thứ nhất, về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Hoàng Thị A và anh Lương Văn B, xét thấy rằng tình cảm vợ chồng giữa hai anh chị đã rạn nứt, mâu thuẫn xảy ra đã trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, sau khi vợ chồng ly thân giữa

hai vợ chồng cũng không tìm cách khắc phục lại tình cảm vợ chồng, tại phiên tòa sơ thẩm anh Lương Văn B nhất trí thuận tình ly hôn, nên cấp sơ thẩm đã ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Hoàng Thị A và anh Lương Văn B là đúng theo quy định của pháp luật. Việc anh Lương Văn B kháng cáo yêu cầu được đoàn tụ, nhưng từ khi tòa cấp sơ thẩm giải quyết xong anh B kháng cáo yêu cầu được đoàn tụ, nhưng lại không có thiện chí tìm cách khắc phục lại tình cảm vợ chồng, đối với những bản in từ điện thoại với những tin nhắn trên zalo do anh B cung cấp không được thu thập theo quy định của pháp luật, hơn nữa tại phiên tòa chị A không thừa nhận những nội dung đó là do chị A nhắn, ngoài ra tại phiên tòa phúc thẩm anh B không có căn cứ chứng minh cho nội dung kháng cáo, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh Lương Văn B. Cần xử cho chị A được ly hôn với anh B.

Thứ hai, về yêu cầu tăng mức cấp dưỡng nuôi con của anh B mỗi tháng lên 5.000.000đ/1 con, hai con sẽ là 10.000.000đ/ 1 tháng: HĐXX phúc thẩm, xét thấy cấp sơ thẩm đã xem xét kỹ đến mức thu nhập cũng như quá trình làm công nhân tại tỉnh Bắc Giang của chị Hoàng Thị A, ngoài thu nhập từ Lương chị không có nguồn thu nhập nào khác, hơn nữa Lương chị được hưởng là 5.700.000đ /1 tháng, chị còn phải chi phí cho việc trả tiền thuê nhà, các khoản tiền sinh hoạt phí khác cho nhu cầu cá nhân của chị. Do đó cấp sơ thẩm tuyên buộc chị Hoàng Thị A phải chịu mức cấp dưỡng nuôi hai con chung giữa chị Hoàng Thị A và anh Lương Văn B là cháu Lương Đức Q sinh ngày 08/12/2010 và cháu Lương Quang V sinh ngày 01/01/2015 giữa mỗi tháng là 1.000.000đ/1con/1 tháng. Tổng cộng cả 2 con là 2.000.000đ/1 tháng là đã tạm đủ đảm bảo cuộc sống cho các con với chi phí thực tế tại địa phương, bởi lẽ ngoài chị Hoàng Thị A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, thì anh Lương Văn B là người trực tiếp nuôi dưỡng cũng có cùng trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con như chị Hoàng Thị A. Yêu cầu kháng cáo này của anh B là không có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm chị A nhất trí tự nguyện tăng mức trợ cấp nuôi con lên 1.150.000đ/1con, cả hai con sẽ là 2.300.000đ/1 tháng. Xét thấy sự tự nguyện của chị Hoàng Thị A là phù hợp với

quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội do đó cần được ghi nhận.

[4] Về án phí**:** Do kháng cáo của anh Lương Văn B không được chấp nhận nên anh Lương Văn B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm để sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 điều 308, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Toà án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Lương Văn B. Sửa một phần bản án Hôn nhân gia đình số 04/2022/HNGĐ-ST ngày 27/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nay xử chị Hoàng Thị A được ly hôn anh Lương Văn B.

2. Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của Chị Hoàng Thị A về việc tăng mức cấp dưỡng nuôi hai con chung giữa chị Hoàng Thị A và anh Lương Văn B là cháu Lương Đức Q - sinh ngày 08/12/2010 và Lương Quang V – sinh ngày 01/01/2015 mỗi tháng là 1.150.000 đồng đối với 1 con. Tổng cộng cả hai con là 2.300.000 đồng /1 tháng, cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi xét thấy cần thiết, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Anh Lương Văn B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là

300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) để sung công quỹ nhà nước, nhưng được trừ đi tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm anh B đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004599 ngày 10/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/HNGĐ-ST ngày 27/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh CB;
- CCTHADS Q;
- TAND Q;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Như